TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÙ LAO DUNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HS-ST
Ngày 14-7-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Hồng Loan.

Ông Lê Văn Linh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Tô Văn Thừa là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hoàng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2022/TLST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2022/HSST-QĐ ngày 23 tháng 6 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Vũ L, sinh năm 1994, tại huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú) ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nơi ở hiện tại: Không ổn định, sống lang thang trên ghe dưới sông; nghề nghiệp không nghề; trình độ học vấn không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S1 và bà Đoàn Thị V1; chưa có vợ (sống như vợ chồng với Nguyễn Thị T1), chưa có con; anh, chị, em ruột 04 người, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất là bị cáo; tiền án: không; tiền sự: Không; nhân thân xấu; bị tạm giữ từ ngày 26/12/2021, đến ngày 31/12/2021 chuyển tạm giam cho đến nay (bị cáo có mặt).

2. Nguyễn Thị T1, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1987, tại huyện T, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú) ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; nơi ở hiện tại: Không ổn định, sống lang thang trên ghe dưới sông; nghề nghiệp không nghề; trình độ học vấn không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt

Nam; con ông Nguyễn Văn N1 và bà Huỳnh Thị T2; chưa có chồng (sống như vợ chồng với Nguyễn Vũ L), có 01 con sinh năm 2010; anh, chị, em ruột 02 người, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1990; tiền án: không; tiền sự: Không; nhân thân tốt; bị tạm giữ từ ngày 26/12/2021, đến ngày 01/01/2022 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, đến ngày 05/7/2022 bị bắt tạm giam cho đến nay (bị cáo có mặt).

- *Bị hại:*

1. Ông Lâm Văn S2, sinh năm 1986; nơi cư trú ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

2. Ông Trần Văn H1, sinh năm 1982; nơi cư trú ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

3. Ông Huỳnh Thanh P1, sinh năm 1968; nơi cư trú ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt);

4. Ông Huỳnh Văn N2, sinh năm 1976; nơi cư trú ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

5. Ông Phạm Văn Đ1, sinh năm 1970; nơi cư trú ấp S, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

6. Ông Trần Văn H2, sinh năm 1958; nơi cư trú ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

7. Bà Lê Thị T3, sinh năm 1964; nơi cư trú ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

8. Ông Sơn Thanh P2, sinh năm 1982; nơi cư trú ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

9. Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1991; nơi cư trú ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

10. Ông Nguyễn Thanh T4, sinh năm 1981; nơi cư trú ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

11. Ông Kim Đ2, sinh năm 1979; nơi cư trú ấp G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1991; nơi cư trú ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị T6, sinh năm 1990; nơi cư trú ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3. Bà Nguyễn Thu H3, sinh năm 1979; nơi cư trú ấp N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

4. Ông Diệp Văn T7, sinh năm 1977; nơi cư trú ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

5. Ông Nguyễn Văn T8, sinh năm 1971; nơi cư trú ấp N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

6. Bà Võ Thị P3, sinh năm 1983; nơi cư trú ấp T, xã An, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

7. Ông Nguyễn Văn V2, sinh năm 1988; nơi cư trú ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Văn S1, sinh năm 1961; nơi cư trú ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/3/2021 Nguyễn Vũ L được anh ruột là Nguyễn Văn T5 dẫn đến dự đám giỗ tại nhà Nguyễn Thị T1, ngụ ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, kể từ hôm đó Vũ L và T1 quen biết, yêu thương nhau. Đến khoảng ngày 05/4/2021, thì bị can Nguyễn Vũ L và bị can Nguyễn Thị T1 xuống chiếc xuồng cui chạy máy xăng do ông Nguyễn Văn S1 là cha của bị cáo L cho trước đó để sống. Thời gian mới xuống sống trên xuồng thì L và T1 sống chủ yếu bằng nghề câu cá, bắt vọp bán. Sống được một thời gian, thì L và T1 nảy sinh đi trộm cắp tài sản của người khác bán lấy tiền tiêu xài, phục vụ cho cuộc sống của L và T1, từ đó đến khi bị bắt Nguyễn Vũ L và Nguyễn Thị T1 sử dụng phương tiện xuồng và máy xăng đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên các tuyến sông thuộc địa bàn huyện C và huyện T, tất cả 11 (mười một) vụ, cụ thể như sau:

Vụ 01: Khoảng đầu tháng 8 năm 2021, L và T1 điều khiển xuồng và máy Honda 5.5 Hp (của ông Nguyễn Văn S1 cho L) chạy vào vàm Rạch T, thuộc ấp A, xã A, huyện C, L phát hiện chiếc xuồng tam bản được làm bằng gỗ cây sao, dài 7,3 mét, rộng 1,45 mét và độ sâu 0,44 mét của ông Lâm Văn S2, sinh năm 1986, nơi cư trú ấp A, xã A (đậu trước nhà mẹ vợ của ông S2), L lên mở dây xuồng và cập vào xuồng cui của L kéo ra sông C. Sau đó, L sửa chữa một số vị trí trên xuồng và sử dụng vào mục đích đi trộm cắp tài sản, còn chiếc xuồng cũ của L thì không sử dụng.

Vụ 02: Khoảng 18 giờ 30 khoảng ngày 10 tháng 8 năm 2021, L điều khiển xuồng và máy xăng 5.5 Hp chở T1 đến khu vực ao nuôi tôm thẻ chân trắng của ông Trần Văn H1, sinh năm 1982, tọa lạc ấp B, xã A, L đậu xuồng cập mé bãi và một mình lên mở bulon lấy trộm của ông H1 01 (một) cái mô tơ dùng chạy quạt tạo oxi (ao đang không nuôi tôm), lấy xong L một mình khiêng mô tơ xuống đến đầu mũi xuồng và T1 cùng L khiêng mô tơ xuống xuồng. Sáng ngày hôm sau, L và T mang cái mô tơ đến điểm thu mua phiếu liệu của bà Võ Thị P3, sinh năm 1983, tại ấp T, xã A bán sắt vụn được

170.000 đồng. Sau khi mua mô tơ của L thì bà P3 bán sắt vụn đi nơi khác nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được vật chứng.

Vụ 03: Ngày 14/8/2021, L điều khiển xuồng và máy xăng 5.5 Hp chở T1 đến một con xẻo nhỏ gần nhà bị hại Huỳnh Thanh P1, sinh năm 1968, nơi cư trú ấp P, xã A. Khi đến nơi T1 ngồi trên xuồng, còn L thì mở dây lấy trộm chiếc xuồng tam bản được làm bằng gỗ cây sao, dài 7 mét, rộng 1,8 mét, tải trọng 1.000kg của ông P1 kéo ra sông C và sau đó mang đến bán cho ông Nguyễn Văn T8, sinh năm 1971, nơi cư trú ấp N, thị trấn T, huyện T với số tiền 2.000.000 đồng. Ngày 15/3/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ vật chứng và đã trả lại tài sản cho bị hại Huỳnh Thanh P1.

Vụ 04: Khoảng 19 giờ ngày 22 tháng 8 năm 2021, L chạy xuồng máy chở T1 qua đến Rạch T, để lấy trộm chiếc vỏ lãi composite mà lần trộm xuồng tam bảng của ông S2, L đã để ý đến. L chạy xuồng đến đậu gần chiếc vỏ lãi composite của ông Huỳnh Văn N2 đậu dưới bến, trong vàm Rạch T, thuộc ấp A, xã A, khi đến nơi T1 ngồi trên xuồng, còn L thì xuống sông mở dây chiếc vỏ lãi, đẩy ra và cập vào chiếc xuồng của L rồi kéo chiếc vỏ lãi đi qua đậu gần bến phà N. Chiếc vỏ lãi này L không nhớ đã bán cho ai nên Cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ được vật chứng.

Vụ 05: Buổi trưa ngày 29/9/2021, L và T1 chạy xuồng, máy đến cái xẻo nhỏ nơi ông Phạm Văn Đ1, sinh năm 1970, nơi cư trú ấp N, xã Đ đậu chiếc xuồng câu và đặt máy Honda. Sau khi quan sát không có người trông coi, L đậu xuồng lại cho T1 ngồi trên xuồng, còn L thì xuống xẻo lội vào lấy cái máy xăng, loại máy Honda, nhãn hiệu Yokohama, 5.5 Hp bỏ lên xuồng của L. Sau đó mang qua bán cho ông Diệp Văn T7, sinh năm 1977, nơi cư trú ấp Đ, thị trấn T, huyện T được 170.000 đồng. Sau khi mua máy của L thì ông T7 mở phụ tùng bán phế liệu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được vật chứng.

Vụ 06: Khoảng 12 giờ ngày 31 tháng 10 năm 2021, L và T1 chạy xuồng, máy đến khu vực ấp N, xã Đ, L phát hiện trên chiếc xuồng đặt lờ của ông Trần Văn H2, sinh năm 1958 có đặt cái máy Honda, công suất 5.5 Hp, L lấy cái máy bỏ qua xuồng rồi chạy qua sông đến bến phà N. Sau đó, L cũng mang đến bán cho ông Diệp Văn T7, sinh năm 1977, nơi cư trú ấp Đ, thị trấn T, huyện T được 130.000 đồng. Sau khi mua máy của L thì ông T7 mở phụ tùng bán phế liệu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được vật chứng.

Vụ 07: Chiều ngày 14 tháng 11 năm 2021, L và T1 chạy xuồng, máy từ khu vực rạch C, thuộc ấp Đ, xã Đ theo sông C chạy ra hướng biển, khi chạy đến khu vực rạch B, ấp B, xã A thì L thấy cái can bằng nhựa làm phao đặt lú (12 cửa ngục), L kéo phao lên và cắt lấy 21 cái lú của bà Lê Thị T3, số còn lại L bỏ xuống sông và chạy xuồng đến khu vực ấp N, xã Đ, huyện C.

Vụ 08: Sau khi lấy trộm 21 cái lú nêu trên (vụ 7), trên đường đi đến khu vực ấp N, xã Đ, huyện C, thì L và T1 tiếp tục dùng xuồng, máy của mình chạy đến phía dưới bến phà N qua Rạch T cắt lấy trộm của ông Sơn Thanh P2, sinh năm 1982, nơi cư trú

ấp N, xã Đ thêm 06 cái lú. Đến trưa ngày 16 tháng 11 năm 2021, L và T1 đậu xuồng tại bến phà N thì bị hại Sơn Thanh P2 đến xem và xác định trên xuồng của L có số lú của P2 bị mất nên điện thoại báo Công an xã Đ, huyện C, bị phát hiện nên L nổ máy bỏ chạy vào rạch N thuộc ấp N, xã Đ, trong lúc bỏ chạy thì L, T1 bị Công an và người dân truy đuổi nên cả hai bỏ lại xuồng, máy và 27 cái lú.

Vụ 09: Sau khi L và T1 bỏ xuồng, máy lại tại rạch N, thuộc ấp N, xã Đ, L và T1 đến nhà anh ruột là Nguyễn Văn V2, sinh năm 1988, nơi cư trú ấp P, thị trấn C và mượn của V2 chiếc xuồng bằng gỗ tạp. Sau khi mượn được xuồng của V2 thì khoảng 15 giờ ngày 20 tháng 12 năm 2021, L và T1 bơi đến Cống số B, thuộc ấp V, xã A, L qua chiếc xuồng tam bản của ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1991, nơi cư trú ấp B, xã A trộm 01 cái máy Honda, nhãn hiệu Vikyno, 6.5 Hp của ông B bỏ qua xuồng sử dụng và sau đó bị bắt, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ được vật chứng.

Ngoài việc thực hiện 09 vụ trộm cắp tài sản nêu trên tại địa bàn huyện C, các bị cáo L và T1 còn thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản tại huyện T như sau:

- Vụ 01 (gọi là vụ 10): Tối ngày 21 tháng 6 năm 2021, L và T1 chạy ghe cặp tuyến sông từ khu vực thị trấn T, huyện T đến khu vực xã T, huyện T để tìm tài sản lấy trộm, khi đến khu vực Cống số H, thuộc ấp N, xã T thì phát hiện có nhiều ghe, vỏ lãi đậu. Lúc đó, L lấy trộm 01 cái máy nhãn hiệu Volga, công suất 6.5 Hp của ông Nguyễn Thanh T4, sinh năm 1982, nơi cư trú ấp N, xã T, huyện T đang đặt trên vỏ lãi. Sau khi lấy được máy, L mang đến điểm thu mua phế liệu của ông Diệp Văn T7, sinh năm 1977, nơi cư trú ấp Đ, thị trấn T, huyện T bán được 147.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều Công an huyện T không thu giữ được vật chứng vụ án.

Vụ 02 (gọi là vụ 11): Khoảng 15 - 16 giờ ngày 05 tháng 9 năm 2021, L cùng T1 điều khiển xuồng đến khu vực kênh nội đồng thuộc địa phận thị trấn T, huyện T, L thấy có một chiếc chẹc đậu trên kênh của ông Kim Đ2, sinh năm 1979, nơi cư trú ấp G, thị trấn T, huyện T, L đậu xuồng lại cặp chiếc chẹc và qua chẹc lấy trộm cái máy dầu, nhãn hiệu KUBOTA RT 125 của ông Kim Đ2, sau khi trộm được L mang đến bán cho ông Diệp Thanh T7, sinh năm 1977, nơi cư trú ấp Đ, thị trấn T, huyện T được 950.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không thu giữ được vật chứng vụ án.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng huyện C, kết luận: 27 cái cửa ngục (làm bằng khung sắt và lưới) dùng để bắt cá, tép trên sông (của bà Lê Thị T3 và ông Sơn Thanh P2), tổng giá trị thiệt hại là 2.970.000 đồng (hai triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng huyện C, kết luận: 01 (một) cái máy xăng nhãn hiệu VIKYNO, công suất 6.5 Hp của ông Nguyễn Thanh B giá trị thiệt hại là 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm nghìn đồng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng huyện C, kết luận: 01 (một) cái máy chạy xăng, nhãn hiệu Honda, công suất 5.5 Hp, do Đài Loan sản xuất của ông Trần Văn H2, giá trị thiệt hại là 1.330.000 đồng (một triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 12 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng huyện C, kết luận: 01 (một) cái máy chạy xăng, nhãn hiệu Honda Yokohama, công suất 5.5 Hp, của ông Phạm Văn Đ1, giá trị thiệt hại là 1.660.000 đồng (một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng huyện C, kết luận: 01 (một) cái mô tơ điện 3 pha, nhãn hiệu Bảo Long, công suất 2 Hp của ông Trần Văn H1, giá trị thiệt hại là 866.000 đồng (tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng huyện C, kết luận: 01 (một) chiếc xuồng bằng gỗ, dài 07 mét, rộng 1,8 mét, không sơn màu, tải trọng khoảng 1.000 kg của ông Huỳnh Thanh P1, giá trị thiệt hại là 4.600.000 đồng (bốn triệu sáu trăm nghìn đồng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng huyện C, kết luận: 01 (một) chiếc vỏ lãi composite của ông Huỳnh Văn N2, giá trị thiệt hại là 3.680.000 đồng (ba triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng huyện C, kết luận: 01 (một) chiếc ghe bằng gỗ, chiều dài 7,3 mét, chiều rộng 1,45 mét, chiều sâu 0,44 mét của ông Lâm Văn S2, giá trị thiệt hại là 7.360.000 đồng (bảy triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện T, kết luận: 01 (một) cái máy dầu, nhãn hiệu KUBOTA RT 125 giá trị tại thời điểm định giá 14.053.000 đồng (mười bốn triệu không trăm năm mươi ba nghìn đồng). 01 (một) cái máy dầu, nhãn hiệu KUBOTA RT165 giá trị tại thời điểm định giá 15.255.000 đồng (mười lăm triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng), các tài sản trên của ông Kim Đ2.

Tại Bản kết luận định giá tài sản 07 tháng 3 năm 2012 của Hội đồng định giá tài sản huyện T, kết luận: 01 (một) cái máy xăng, nhãn hiệu Volga, công suất 6.5 Hp của ông Nguyễn Thanh T4 giá trị 2.309.000 đồng (hai triệu ba trăm lẽ chín nghìn đồng).

Như vậy, tổng giá trị tài sản các bị cáo Nguyễn Vũ L và Nguyễn Thị T1 thực hiện 09 vụ trộm trên địa bàn huyện C chiếm đoạt giá trị tài sản: 24.066.000 đồng (hai mươi bốn triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) và 02 vụ trên địa bàn huyện T chiếm đoạt giá trị tài sản là: 16.362.000 đồng (mười sáu triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn đồng). Tổng cộng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 40.428.000 đồng (bốn mươi triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn đồng).

* Về vật chứng trong vụ án:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung đã ra Quyết định tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu như sau:

- Quyết định tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu số: 11/QĐ ngày 08/3/2022 tài sản gồm: 01 (một) cái máy xăng hiệu Honda Vikyno 6,5Hp, số máy 168F-22102250731, được gắn dàn láp máy có chiều dài 3,08 mét, chân vịt hai cánh và 01 (một) chiếc xuồng chiều dài 5,37m, rộng 1,36m, phía sau có mui dạng hình tam giác, kích thước (2 x 1) m.

- Quyết định tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu số 12/QĐ-CQCSĐT ngày 10/3/2022 tài sản gồm:

1. 27 (hai mươi bảy) cái lú bắt cá, tép (loại 12 cửa ngục);

2. 01 (một) Thẻ bảo hiểm Y tế tên Nguyễn Thị T1, sinh ngày 01/01/1988. Địa chỉ ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

3. 01 (một) Sổ hộ khẩu photocopy, chủ hộ Nguyễn Văn N1, sinh năm 1967. Địa chỉ ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

4. 01 (một) chân vịt máy, loại hai cánh;

5. 01 (một) cái bô E máy xăng;

6. 01 (một) kẹt đăng máy xăng;

7. 01 (một) bình xăng con máy xăng.

8. 01 (một) chiếc xuồng tam bảng, bằng gỗ, có số đo: 7,3m x 1,45m x 0,44m;

9. 01 (một) cái bóp da màu đen,

- Quyết định tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu số: 16/QĐ ngày 20/3/2022 tài sản gồm: 01 (một) chiếc xuồng tam bảng, bằng gỗ cây sao, chiều dài 07m, rộng 1,8m, tải trọng 1.000kg

Về xử lý vật chứng:

- Quyết định xử lý vật chứng số: 04/QĐ ngày 18/3/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung, bằng hình thức trả lại tài sản cho ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1991, nơi cư trú ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là chủ sở hữu, tài sản gồm: 01 (một) cái máy xăng hiệu Honda Vikyno 6,5 Hp, số máy 128F-2210250731, có gắn dàn láp dài 3,08 mét chạy chân vịt hai cánh.

- Quyết định xử lý vật chứng số: 06/QĐ ngày 18/3/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung, bằng hình thức trả lại tài sản cho ông Sơn Thanh P2, sinh năm 1982, nơi cư trú ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là chủ sở hữu, tài sản gồm: 06 (sáu) cái lú đặt bắt cá, tép trên sông (loại 12 cửa ngục), được làm bằng khung sắt hình chữ nhật, phần giữa được làm bằng lưới màu trắng, hai đầu màu xanh.

- Quyết định xử lý vật chứng số: 07/QĐ ngày 18/3/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung, bằng hình thức trả lại tài sản cho bà Lê Thị T3, sinh năm 1964, nơi cư trú ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là chủ sở hữu, tài sản gồm: 21 (hai mươi mốt) cái lú đặt bắt cá, tép trên sông (loại 12 cửa ngục), được làm bằng khung sắt hình chữ nhật, được làm bằng lưới màu xanh.

- Quyết định xử lý vật chứng số: 10/QĐ ngày 23/3/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung, bằng hình thức trả lại tài sản cho Huỳnh Thanh P1, sinh năm 1968, nơi cư trú ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là chủ sở hữu, tài sản gồm: 01 (một) chiếc xuồng bằng gỗ sao, chiều dài 17m, chiều rộng 1,8m, tải trọng 1.000kg.

- Quyết định xử lý vật chứng số: 11/QĐ ngày 23/3/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung, bằng hình thức trả lại tài sản cho Nguyễn Văn V2, sinh năm 1988, nơi cư trú ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là chủ sở hữu, tài sản gồm: 01 (một) chiếc xuồng chiều dài 5,37m, rộng 1,36m, phía sau có mui dạng hình tam giác, kích thước (2 x 1) m.

- Quyết định xử lý vật chứng số: 12/QĐ ngày 25/3/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung, bằng hình thức trả lại tài sản cho Lâm Văn S2, sinh năm 1986, nơi cư trú ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là chủ sở hữu, tài sản gồm: 01 (một) chiếc xuồng bằng gỗ, chiều dài 7,3m, chiều rộng 1,45m, độ sâu 0,44m.

Đối với các vật chứng còn lại, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức chuyển cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung quản lý.

* Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại Trần Văn H1, Phạm Văn Đ1 và Huỳnh Văn N2, Kim Đ2 yêu cầu các bị cáo Nguyễn Vũ L và Nguyễn Thị T1 có trách nhiệm bồi thường tài sản bị thiệt hại bằng giá trị định giá (Trần Văn H1 số tiền 866.000 đồng, Phạm Văn Đ1 số tiền 1.660.000 đồng, Huỳnh Văn N2 số tiền 3.680.000 đồng, Kim Đ2 số tiền 14.053.000 đồng). Đối với Huỳnh Thanh P1, Lâm Văn S2, Trần Văn H2, Lê Thị T3, Sơn Thanh P2 và Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thanh T4 không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Nguyễn Thu H3 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.000.000 đồng (số tiền mua chiếc vỏ lãi Composit); ông Nguyễn Văn T8 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 4.000.000 đồng (số tiền mua chiếc ghe 2.000.000 đồng, số tiền sơn lại 2.000.000 đồng); ông Diệp Văn T7 và bà Võ Thị P3 không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo như đã nêu trên. Các bị cáo thừa nhận, việc các bị cáo thực hiện hành vi nhiều lần trộm cắp tài sản của người khác nhằm mục đích bán để lấy tiền phục vụ cho cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày của các bị cáo; các bị cáo lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nghề sinh sống và làm nguồn sống chính.

Tại bản cáo trạng số: 08/CT-VKS-CLD ngày 21/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố các bị cáo Nguyễn Vũ L và Nguyễn Thị T1 về tội "Trộm cắp tài sản tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; các bị cáo đã có hành vi lén lút thực hiện 10 lần (11 vụ) lấy trộm tài sản của các bị hại với số tiền tổng cộng 40.428.000 đồng nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo phạm tội từ 02 lần trở lên nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, cần xem xét tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo là sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi của mình, tự khai ra 02 lần phạm tội trước đó (lần trộm cắp tài sản của ông Lâm Văn S2 và ông Trần Văn H1). Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo T1 chưa có tiền án tiền sự nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo, riêng bị cáo T1 áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hành vi phạm tội có tính chất chuyên nghiệp của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo L từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù; xử phạt bị cáo T1 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

- Về vật chứng của vụ án: Căn cứ vào khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu và tiêu hủy các vật chứng: 01 (một) Thẻ bảo hiểm Y tế tên Nguyễn Thị T1, sinh ngày 01/01/1988, địa chỉ ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; 01 (một) Sổ hộ khẩu photocopy, chủ hộ Nguyễn Văn N1, sinh năm 1967, địa chỉ ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; 01 (một) chân vịt máy, loại hai cánh; 01 (một) cái bô E máy xăng; 01 (một) kẹt đăng máy xăng; 01 (một) bình xăng con máy xăng; 01 (một) cái bóp da màu đen.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có yêu cầu và các bị cáo đồng ý bồi thường tại phiên tòa.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thu H3 có mua 01 chiếc võ lãi loại composit do các bị cáo trộm tại địa giới hành chính của huyện L với số tiền 1.000.000 đồng. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L đang làm rõ chủ sở hữu chiếc võ lãi trên và 04 cái mô tơ điện do các bị cáo trộm trên địa

giới hành chính của huyện L để xử lý theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Các bị cáo không có lời tự bào chữa.

Các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo L nói lời nói sau cùng: Xem xét cho bị cáo sớm về với gia đình.

Bị cáo T1 không nói lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] **Về tố tụng:**

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng không có ý kiến hay khiếu nại đối với hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Các bị hại: Lâm Văn S2, Trần Văn H1, Huỳnh Văn N2, Phạm Văn Đ1, Trần Văn H2, Lê Thị T3, Sơn Thanh P2, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thanh T4 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Nguyễn Thu H3, Nguyễn Văn T8, Võ Thị P3 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, xét thấy các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã có lời khai trong quá trình điều tra, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ.

[2] **Về nội dung:**

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra đã thu thập được nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Nguyễn Vũ L và Nguyễn Thị T1 sử dụng phương tiện xuồng

và máy xăng đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên các tuyến sông thuộc địa bàn huyện C và huyện T, tất cả 11 (mười một) vụ, cụ thể như sau:

[3.1] Vụ 01: Khoảng đầu tháng 8 năm 2021, L và T1 điều khiển xuồng và máy Honda 5.5 Hp (của ông Nguyễn Văn S1 cho L) chạy vào vàm Rạch T, thuộc ấp A, xã A, huyện C, L phát hiện chiếc xuồng tam bản được làm bằng gỗ cây sao, dài 7,3 mét, rộng 1,45 mét và độ sâu 0,44 mét của ông Lâm Văn S2, sinh năm 1986, nơi cư trú ấp A, xã A (đậu trước nhà mẹ vợ của ông S2), L lên mở dây xuồng và cập vào xuồng cui của L kéo ra sông C. Sau đó, L sửa chữa một số vị trí trên xuồng và sử dụng vào mục đích đi trộm cắp tài sản, còn chiếc xuồng cũ của L thì không sử dụng.

[3.2] Vụ 02: Khoảng 18 giờ 30 khoảng ngày 10 tháng 8 năm 2021, L điều khiển xuống và máy xăng 5.5 Hp chở T1 đến khu vực ao nuôi tôm thẻ chân trắng của ông Trần Văn H1, sinh năm 1982, tọa lạc ấp B, xã A, L đậu xuồng cập mé bãi và một mình lên mở bulon lấy trộm của ông H1 01 (một) cái mô tơ dùng chạy quạt tạo oxi (ao đang không nuôi tôm), lấy xong L một mình khiêng mô tơ xuống đến đầu mũi xuồng và T1 cùng L khiêng mô tơ xuống xuồng. Sáng ngày hôm sau, L và T mang cái mô tơ đến điểm thu mua phiếu liệu của bà Võ Thị P3, sinh năm 1983, tại ấp T, xã A bán sắt vụn được 170.000 đồng. Sau khi mua mô tơ của L thì bà P3 bán sắt vụn đi nơi khác nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được vật chứng.

[3.3] Vụ 03: Ngày 14/8/2021, L điều khiển xuồng và máy xăng 5.5 Hp chở T1 đến một con xẻo nhỏ gần nhà bị hại Huỳnh Thanh P1, sinh năm 1968, nơi cư trú ấp P, xã A. Khi đến nơi T1 ngồi trên xuồng, còn L thì mở dây lấy trộm chiếc xuồng tam bản được làm bằng gỗ cây sao, dài 7 mét, rộng 1,8 mét, tải trọng 1.000kg của ông P1 kéo ra sông C và sau đó mang đến bán cho ông Nguyễn Văn T8, sinh năm 1971, nơi cư trú ấp N, thị trấn T, huyện T với số tiền 2.000.000 đồng. Ngày 15/3/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ vật chứng và đã trả lại tài sản cho bị hại Huỳnh Thanh P1.

[3.4] Vụ 04: Khoảng 19 giờ ngày 22 tháng 8 năm 2021, L chạy xuồng máy chở T1 qua đến Rạch T, để lấy trộm chiếc vỏ lãi composite mà lần trộm xuồng tam bảng của ông S2, L đã để ý đến. L chạy xuồng đến đậu gần chiếc vỏ lãi composite của ông Huỳnh Văn N2 đậu dưới bến, trong vàm Rạch T, thuộc ấp A, xã A, khi đến nơi T1 ngồi trên xuồng, còn L thì xuống sông mở dây chiếc vỏ lãi, đẩy ra và cập vào chiếc xuồng của L rồi kéo chiếc vỏ lãi đi qua đậu gần bến phà N. Chiếc vỏ lãi này L không nhớ đã bán cho ai nên Cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ được vật chứng.

[3.5] Vụ 05: Buổi trưa ngày 29/9/2021, L và T1 chạy xuồng, máy đến cái xẻo nhỏ nơi ông Phạm Văn Đ1, sinh năm 1970, nơi cư trú ấp N, xã Đ đậu chiếc xuồng câu và đặt máy Honda. Sau khi quan sát không có người trông coi, L đậu xuồng lại cho T1 ngồi trên xuồng, còn L thì xuống xẻo lội vào lấy cái máy xăng, loại máy Honda, nhãn hiệu Yokohama, 5.5 Hp bỏ lên xuồng của L. Sau đó mang qua bán cho ông Diệp Văn T7, sinh năm 1977, nơi cư trú ấp Đ, thị trấn T, huyện T được 170.000 đồng. Sau khi mua máy của L thì ông T7 mở phụ tùng bán phế liệu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được vật chứng.

[3.6] Vụ 06: Khoảng 12 giờ ngày 31 tháng 10 năm 2021, L và T1 chạy xuồng, máy đến khu vực ấp N, xã Đ, L phát hiện trên chiếc xuồng đặt lờ của ông Trần Văn H2, sinh năm 1958 có đặt cái máy Honda, công suất 5.5 Hp, L lấy cái máy bỏ qua xuồng rồi chạy qua sông đến bến phà N. Sau đó, L cũng mang đến bán cho ông Diệp Văn T7, sinh năm 1977, nơi cư trú ấp Đ, thị trấn T, huyện T được 130.000 đồng. Sau khi mua máy của L thì ông T7 mở phụ tùng bán phế liệu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được vật chứng.

[3.7] Vụ 07: Chiều ngày 14 tháng 11 năm 2021, L và T1 chạy xuồng, máy từ khu vực rạch C, thuộc ấp Đ, xã Đ theo sông C chạy ra hướng biển, khi chạy đến khu vực rạch B, ấp B, xã A thì L thấy cái can bằng nhựa làm phao đặt lú (12 cửa ngục), L kéo phao lên và cắt lấy 21 cái lú của bà Lê Thị T3, số còn lại L bỏ xuống sông và chạy xuồng đến khu vực ấp N, xã Đ, huyện C.

[3.8] Vụ 08: Sau khi lấy trộm 21 cái lú nêu trên (vụ 7), trên đường đi đến khu vực ấp N, xã Đ, huyện C, thì L và T1 tiếp tục dùng xuồng, máy của mình chạy đến phía dưới bến phà N qua Rạch T cắt lấy trộm của ông Sơn Thanh P2, sinh năm 1982, nơi cư trú ấp N, xã Đ thêm 06 cái lú. Đến trưa ngày 16 tháng 11 năm 2021, L và T1 đậu xuồng tại bến phà N thì bị hại Sơn Thanh P2 đến xem và xác định trên xuồng của L có số lú của P2 bị mất nên điện thoại báo Công an xã Đ, huyện C, bị phát hiện nên L nổ máy bỏ chạy vào rạch N thuộc ấp N, xã Đ, trong lúc bỏ chạy thì L, T1 bị Công an và người dân truy đuổi nên cả hai bỏ lại xuồng, máy và 27 cái lú.

[3.9] Vụ 09: Sau khi L và T1 bỏ xuồng, máy lại tại rạch N, thuộc ấp N, xã Đ, L và T1 đến nhà anh ruột là Nguyễn Văn V2, sinh năm 1988, nơi cư trú ấp P, thị trấn C và mượn của V2 chiếc xuồng bằng gỗ tạp. Sau khi mượn được xuồng của V2 thì khoảng 15 giờ ngày 20 tháng 12 năm 2021, L và T1 bơi đến Cống số B, thuộc ấp V, xã A, L qua chiếc xuồng tam bản của ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1991, nơi cư trú ấp B, xã A trộm 01 cái máy Honda, nhãn hiệu Vikyno, 6.5 Hp của ông B bỏ qua xuồng sử dụng và sau đó bị bắt, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ được vật chứng.

[3.10] Ngoài việc thực hiện 09 vụ trộm cắp tài sản nêu trên tại địa bàn huyện C, các bị cáo L và T1 còn thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản tại huyện T như sau:

[3.11] Vụ 01 (gọi là vụ 10): Tối ngày 21 tháng 6 năm 2021, L và T1 chạy ghe cặp tuyến sông từ khu vực thị trấn T, huyện T đến khu vực xã T, huyện T để tìm tài sản lấy trộm, khi đến khu vực Cống số H, thuộc ấp N, xã T thì phát hiện có nhiều ghe, vỏ lãi đậu. Lúc đó, L lấy trộm 01 cái máy nhãn hiệu Volga, công suất 6.5 Hp của ông Nguyễn Thanh T4, sinh năm 1982, nơi cư trú ấp N, xã T, huyện T đang đặt trên vỏ lãi. Sau khi lấy được máy, L mang đến điểm thu mua phế liệu của ông Diệp Văn T7, sinh năm 1977, nơi cư trú ấp Đ, thị trấn T, huyện T bán được 147.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều Công an huyện T không thu giữ được vật chứng vụ án.

[3.12] Vụ 02 (gọi là vụ 11): Khoảng 15 - 16 giờ ngày 05 tháng 9 năm 2021, L cùng T1 điều khiển xuồng đến khu vực kênh nội đồng thuộc địa phận thị trấn T, huyện

T, L thấy có một chiếc chẹc đậu trên kênh của ông Kim Đ2, sinh năm 1979, nơi cư trú ấp G, thị trấn T, huyện T, L đậu xuống lại cặp chiếc chẹc và qua chẹc lấy trộm cái máy dầu, nhãn hiệu KUBOTA RT 125 của ông Kim Đ2, sau khi trộm được L mang đến bán cho ông Diệp Thanh T7, sinh năm 1977, nơi cư trú ấp Đ, thị trấn T, huyện T được 950.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không thu giữ được vật chứng vụ án.

[4] Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng huyện C, kết luận: 27 cái cửa ngục (làm bằng khung sắt và lưới) dùng để bắt cá, tép trên sông (của bà Lê Thị T3 và ông Sơn Thanh P2), tổng giá trị thiệt hại là 2.970.000 đồng (hai triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng).

[5] Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng huyện C, kết luận: 01 (một) cái máy xăng nhãn hiệu VIKYNO, công suất 6.5 Hp của ông Nguyễn Thanh B giá trị thiệt hại là 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm nghìn đồng).

[6] Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng huyện C, kết luận: 01 (một) cái máy chạy xăng, nhãn hiệu Honda, công suất 5.5 Hp, do Đài Loan sản xuất của ông Trần Văn H2, giá trị thiệt hại là 1.330.000 đồng (một triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng).

[7] Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 12 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng huyện C, kết luận: 01 (một) cái máy chạy xăng, nhãn hiệu Honda Yokohama, công suất 5.5 Hp, của ông Phạm Văn Đ1, giá trị thiệt hại là 1.660.000 đồng (một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

[8] Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng huyện C, kết luận: 01 (một) cái mô tơ điện 3 pha, nhãn hiệu Bảo Long, công suất 2 Hp của ông Trần Văn H1, giá trị thiệt hại là 866.000 đồng (tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

[9] Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng huyện C, kết luận: 01 (một) chiếc xuồng bằng gỗ, dài 07 mét, rộng 1,8 mét, không sơn màu, tải trọng khoảng 1.000 kg của ông Huỳnh Thanh P1, giá trị thiệt hại là 4.600.000 đồng (bốn triệu sáu trăm nghìn đồng).

[10] Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng huyện C, kết luận: 01 (một) chiếc vỏ lãi composite của ông Huỳnh Văn N2, giá trị thiệt hại là 3.680.000 đồng (ba triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

[11] Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng huyện C, kết luận: 01 (một) chiếc ghe bằng gỗ, chiều dài 7,3 mét, chiều rộng 1,45 mét, chiều sâu 0,44 mét của ông Lâm Văn S2, giá trị thiệt hại là 7.360.000 đồng (bảy triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

[12] Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện T, kết luận: 01 (một) cái máy dầu, nhãn hiệu KUBOTA RT 125 giá trị tại thời điểm định giá 14.053.000 đồng (mười bốn triệu không trăm năm mươi ba nghìn đồng). 01 (một) cái máy dầu, nhãn hiệu KUBOTA RT165 giá trị tại thời điểm định giá 15.255.000 đồng (mười lăm triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng), các tài sản trên của ông Kim Đ2.

[13] Tại Bản kết luận định giá tài sản 07 tháng 3 năm 2012 của Hội đồng định giá tài sản huyện T, kết luận: 01 (một) cái máy xăng, nhãn hiệu Volga, công suất 6.5 Hp của ông Nguyễn Thanh T4 giá trị 2.309.000 đồng (hai triệu ba trăm lẽ chín nghìn đồng).

[14] Như vậy, tổng giá trị tài sản các bị cáo Nguyễn Vũ L và Nguyễn Thị T1 thực hiện 09 vụ trộm trên địa bàn huyện C chiếm đoạt giá trị tài sản: 24.066.000 đồng (hai mươi bốn triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) và 02 vụ trên địa bàn huyện T chiếm đoạt giá trị tài sản là: 16.362.000 đồng (mười sáu triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn đồng). Tổng cộng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 40.428.000 đồng (bốn mươi triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn đồng).

[15] Hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự. Đối với lần thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản là 21 cái lú của bà Lê Thị T3 và trộm cắp tài sản là 06 cái lú của ông Sơn Thanh P2 có tổng giá trị tài sản là 2.970.000 đồng, thì các bị cáo thực hiện hành vi một cách liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian nên Hội đồng xét xử xác định đây là một lần phạm tội của các bị cáo.

[16] Các bị cáo Nguyễn Vũ L và Nguyễn Thị T1 đã có 10 lần (11 vụ) thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Trong đó có 06 lần các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng (trộm 21 cái lú của bà T3, ông P2 có giá trị 2.970.000 đồng; chiếc xuồng gỗ của ông Huỳnh Thanh P1 có giá trị 4.600.000 đồng; vỏ lãi composit của ông Huỳnh Văn N2 có giá trị 3.680.000 đồng; chiếc xuồng gỗ của ông Lâm Văn S2 có giá trị 7.360.000 đồng; cái máy hiệu KUBOTA 125 của ông Kim Đ2 có giá trị 14.053.000 đồng; cái máy hiệu Volga của ông Nguyễn Thanh T4 có giá trị 2.309.000 đồng). Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đều thừa nhận, việc các bị cáo thực hiện hành vi nhiều lần trộm cắp tài sản của người khác nhằm mục đích bán để lấy tiền phục vụ cho cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày của các bị cáo; các bị cáo lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nghề sinh sống và làm nguồn sống chính. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội trộm cắp tài sản với tình tiết định khung là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Các lần trộm cắp tài sản, các bị cáo không có phân công vai trò cụ thể, không có sự câu kết chặt chẽ nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn.

[17] Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung truy tố các bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" quy định Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung truy tố các bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là chưa đúng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[18] Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác là bất khả xâm phạm, nhưng chỉ vì lười lao động, mong muốn có tiền phục vụ cho cuộc sống và hưởng thụ của các bị cáo mà các bị cáo cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác do pháp luật hình sự bảo vệ, đặc biệt là ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương, làm cho quần chúng hoang mang, lo sợ, thời gian gần đây trên địa bàn huyện C đã xảy ra rất nhiều vụ trộm cắp tài sản. Do đó, cần phải xử phạt tù thật nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo để các bị cáo có thời gian học tập, cải tạo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, biết tôn trọng pháp luật.

[19] Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho các bị cáo như sau:

[19.1] Bị cáo L là người chủ động tìm kiếm tài sản, thực hành và đem bán tài sản trộm được nên bị cáo phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án. Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị kết án về tội hiếp dâm trẻ em tại bản án số: 58/2011/HSST ngày 23/12/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xử phạt bị cáo 07 năm tù, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt vào ngày 31/8/2015 và đến lần phạm tội này bị cáo đương nhiên được xóa án tích. Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội, bị cáo tự nguyện khai ra hai lần phạm tội trước đó (lần trộm cắp tài sản của ông Lâm Văn S2 và ông Trần Văn H1), bị cáo thành khẩn khai báo; đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[19.2] Bị cáo T1 là đồng phạm tích cực với bị cáo L, bị cáo đi cùng với bị cáo L thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác nhiều lần, sau khi bị cáo L bán tài sản trộm được, thì L giao tiền hết cho bị cáo, bị cáo dùng tiền để chi tiêu phục vụ cho cuộc sống hàng ngày của bị cáo và bị cáo L nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự sau bị cáo L. Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội, bị cáo tự nguyên khai ra hai lần phạm tội trước đó (lần trộm cắp tài sản của ông Lâm Văn S2 và ông Trần Văn H1), bị cáo thành khẩn khai báo, chưa có tiền án tiền sự; đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[20] Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự và đề nghị xử phạt bị cáo L từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận về mức hình phạt. Tuy nhiên, như phân tích tại đoạn [16] thì bị cáo phạm tội với tình tiết định khung tại điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự nên đề nghị về tình tiết định khung của Viện kiểm sát không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[21] Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự và đề nghị xử phạt bị cáo T1 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận về mức hình phạt. Tuy nhiên, như phân tích tại đoạn [16] thì bị cáo phạm tội với tình tiết định khung tại điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự nên đề nghị về tình tiết định khung của Viện kiểm sát không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[22] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng". Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo không có thu nhập nên Hội đồng xét xử không áp dụng phạt tiền là hình bổ sung đối với các bị cáo.

[23] Về vật chứng của vụ án:

[23.1] Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung đã xử lý, giao trả cho chủ sở hữu các tài sản:

- Trả lại tài sản cho ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1991, nơi cư trú ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là chủ sở hữu, tài sản gồm: 01 (một) cái máy xăng hiệu Honda Vikyno 6,5 Hp, số máy 128F-2210250731, có gắn dàn láp dài 3,08 mét chạy chân vịt hai cánh.

- Trả lại tài sản cho ông Sơn Thanh P2, sinh năm 1982, nơi cư trú ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là chủ sở hữu, tài sản gồm: 06 (sáu) cái lú đặt bắt cá, tép trên sông (loại 12 cửa ngục), được làm bằng khung sắt hình chữ nhật, phần giữa được làm bằng lưới màu trắng, hai đầu màu xanh.

- Trả lại tài sản cho bà Lê Thị T3, sinh năm 1964, nơi cư trú ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là chủ sở hữu, tài sản gồm: 21 (hai mươi mốt) cái lú đặt bắt cá, tép trên sông (loại 12 cửa ngục), được làm bằng khung sắt hình chữ nhật, được làm bằng lưới màu xanh.

- Trả lại tài sản cho Huỳnh Thanh P1, sinh năm 1968, nơi cư trú ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là chủ sở hữu, tài sản gồm: 01 (một) chiếc xuồng bằng gỗ sao, chiều dài 17m, chiều rộng 1,8m, tải trọng 1.000kg.

- Trả lại tài sản cho Nguyễn Văn V2, sinh năm 1988, nơi cư trú ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là chủ sở hữu, tài sản gồm: 01 (một) chiếc xuồng chiều dài 5,37m, rộng 1,36m, phía sau có mui dạng hình tam giác, kích thước (2 x 1) m.

- Trả lại tài sản cho Lâm Văn S2, sinh năm 1986, nơi cư trú ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là chủ sở hữu, tài sản gồm: 01 (một) chiếc xuồng bằng gỗ, chiều dài 7,3m, chiều rộng 1,45m, độ sâu 0,44m.

Là đúng theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[23.2] Đối với các vật chứng còn lại: 01 (một) Thẻ bảo hiểm Y tế tên Nguyễn Thị T1, sinh ngày 01/01/1988, địa chỉ ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bị cáo T1 nhưng đã hết hạn sử dụng, bị cáo không yêu cầu nhận lại; 01 (một) Sổ hộ khẩu photocopy, chủ hộ Nguyễn Văn N1, sinh năm 1967, địa chỉ ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và 01 (một) cái bóp da màu đen thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bị cáo T1 nhưng bị cáo không yêu cầu nhận lại; riêng các vật chứng 01 (một) chân vịt máy, loại hai cánh; 01 (một) cái bô E máy xăng; 01 (một) kẹt đăng máy xăng; 01 (một) bình xăng con máy xăng, bị cáo L không yêu cầu nhận lại. Hội đồng xét xử xét thấy các vật chứng nêu trên không có giá trị sử dụng nên căn cứ vào khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu và tiêu hủy.

[24] Về trách nhiệm dân sự:

[24.1] Trong quá trình điều tra bị hại Trần Văn H1 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 866.000 đồng, bị hại Huỳnh Văn N2 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 3.680.000 đồng, bị hại Phạm Văn Đ1 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 1.660.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại Kim Đ2 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 14.053.000 đồng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Văn T8 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 4.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại cho các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nêu trên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 587 và Điều 589 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử ghi nhận việc thỏa thuận giữa các bị cáo với các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; buộc các bị cáo có nghĩa vụ liên đới bồi thường các số tiền nêu trên.

[24.2] Đối với các bị hại Lâm Văn S2, Huỳnh Thanh P1, Trần Văn H2, Lê Thị T3, Sơn Thanh P2, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thanh T4; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Diệp Văn T7, Võ Thị P3, Nguyễn Văn V2 không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[24.3] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thu H3 có mua 01 chiếc vỏ lãi loại composit do các bị cáo trộm tại địa giới hành chính của huyện L với số tiền 1.000.000 đồng. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L đang làm rõ chủ sở hữu chiếc vỏ lãi trên và 04 cái mô tơ điện do các bị cáo trộm trên địa

giới hành chính của huyện L để xử lý theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[25] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Nguyễn Vũ L và Nguyễn Thị T1 bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo Nguyễn Vũ L và Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về trách nhiệm dân sự với số tiền tổng cộng 24.259.000 đồng nên mỗi bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 606.475 đồng {(24.259.000 x 5%) : 2}

[26] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Văn T5, bà Nguyễn Thị T6, cơ quan điều tra không chứng minh được ông T5 và bà T6 đồng phạm với các bị cáo; đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Võ Thị P3, ông Diệp Văn T7, ông Nguyễn Thanh T8 mua các tài sản do các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mà có nhưng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không biết tải sản do các bị cáo bán là do các bị cáo phạm tội mà có; đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Văn V2 đã cho bị cáo L mượn chiếc ghe, bị cáo L dùng làm phương tiện để thực hiện hành vi tội phạm nhưng ông V2 không biết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét xử lý về trách nhiệm hình sự đối với những người này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Vũ L và Nguyễn Thị T1 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; khoản 1 Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ L 03 (ba) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ, ngày 26 tháng 12 năm 2021.

2. Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; khoản 1 Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T1 02 (hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 05 tháng 7 năm 2022. Bị cáo được trừ thời hạn tạm giam trước đó 07 (bảy) ngày (từ ngày 26/12/2021 đến ngày 01/01/2022).

3. Về vật chứng: Căn cứ vào khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) Thẻ bảo hiểm Y tế tên Nguyễn Thị T1, sinh ngày 01/01/1988, địa chỉ ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; 01 (một) Sổ hộ khẩu photocopy, chủ hộ Nguyễn Văn N1, sinh năm 1967, địa chỉ ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh

Sóc Trăng; 01 (một) chân vịt máy, loại hai cánh; 01 (một) cái bô E máy xăng; 01 (một) kẹt đăng máy xăng; 01 (một) bình xăng con máy xăng; 01 (một) cái bóp da màu đen, theo quyết định chuyển vật chứng số 02/QĐ-VKS-CLD ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung và biên bản giao nhận vật chứng ngày 14 tháng 7 năm 2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung.

4. Về trách nhiệm dân sự:

4.1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 587 và Điều 589 Bộ luật Dân sự. Buộc các bị cáo Nguyễn Vũ L, Nguyễn Thị T1 có trách nhiệm liên đới bồi thường cho: Bị hại Trần Văn H1 số tiền 866.000 đồng, bị hại Huỳnh Văn N2 số tiền 3.680.000 đồng, bị hại Phạm Văn Đ1 số tiền 1.660.000 đồng, bị hại Kim Đ2 số tiền 14.053.000 đồng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Văn T8 số tiền 4.000.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng các bị cáo còn phải trả lãi cho các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm thi hành án.

4.2. Các bị hại Lâm Văn S2, Huỳnh Thanh P1, Trần Văn H2, Lê Thị T3, Sơn Thanh P2, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thanh T4; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Diệp Văn T7, Võ Thị P3, Nguyễn Văn V2 không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại nên không đặt ra xem xét.

4.3. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thu H3 có mua 01 chiếc vỏ lãi loại composit do các bị cáo trộm tại địa giới hành chính của huyện L với số tiền 1.000.000 đồng. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L đang làm rõ chủ sở hữu chiếc vỏ lãi trên và 04 cái mô tơ điện do các bị cáo trộm trên địa giới hành chính của huyện L để xử lý theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Nguyễn Vũ L và Nguyễn Thị T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Vũ L và Nguyễn Thị T1 mỗi bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 606.475 đồng {(24.259.000 x5%) : 2}

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo, các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng

mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo, các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- CAND huyện Cù Lao Dung (CQTHAHS, CQCSĐT);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn